

Họ và tên:..... Lớp:.....

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê của thầy cô</u>
	GK 1.....
	GK 2.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh tròn vào đáp án đúng:

Bài 1: Tính $35 + 9$

A. 52

B. 44

C. 43

Bài 2: Số liền sau của 68 là:

A. 67

B. 70

C. 69

Bài 3: Kết quả của phép trừ: $87 \text{ kg} - 8 \text{ kg}$ là:

A. 79

B. 58

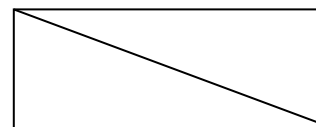
C. 86

Bài 4 : Trong hình vẽ bên có số hình tam giác:

A. 1 hình

B. 2 hình

C. 3 hình



Bài 5 : Em đi ngủ lúc.....giờ tối

A. 7 giờ

B. 8 giờ

C. 9 giờ



Bài 6: Tính 4×7

A. 25

B. 28

C. 26

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$$46 + 28$$

$$62 + 37$$

$$84 - 25$$

$$100 - 48$$

.....

.....

.....

.....

Bài 2: (1 điểm) Tìm X

$$15 + X = 24$$

$$X - 16 = 34$$

.....

.....

.....

.....

Bài 3: (2 điểm) Năm nay bà 65 tuổi, mẹ kém bà 29 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi?
Bài giải.

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (1 điểm) Hãy vẽ đoạn thẳng AB dài 5 cm:

.....

I TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	A	B	C	B
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	1	1

II PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 : Tính

Mỗi phép tính đúng **0,5 điểm**

(Nếu đặt tính sai, kết quả đúng hoặc đặt tính đúng kết quả sai 0,25 điểm)

$\begin{array}{r} 46 \\ + 28 \\ \hline 74 \end{array}$	$\begin{array}{r} 62 \\ + 37 \\ \hline 99 \end{array}$	$\begin{array}{r} 84 \\ - 35 \\ \hline 49 \end{array}$	$\begin{array}{r} 100 \\ - 48 \\ \hline 52 \end{array}$
--	--	--	---

Bài 2 : Tìm X

$$15 + X = 24$$

$$X = 24 - 15$$

$$X = 9 \quad \mathbf{0,5 \text{ điểm}}$$

$$X - 16 = 34$$

$$X = 34 + 16$$

$$X = 50 \quad \mathbf{0,5 \text{ điểm}}$$

Bài 3 :

Bài giải:

Năm nay mẹ có số tuổi là:

$$65 - 29 = 36 \text{ (tuổi)} \quad \mathbf{(1 \text{ điểm})}$$

Đáp số: 36 tuổi **(1 điểm)**

Bài 4: Vẽ đoạn thẳng AB 1điểm